|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**Phụ lục II**

**KẾT QUẢ RÀ SOÁT HỆ THỐNG VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT CHỊU SỰ TÁC ĐỘNG**

**CỦA VIỆC SẮP XẾP TỔ CHỨC BỘ MÁY NHÀ NƯỚC THUỘC LĨNH VỰC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

**(Văn bản quy phạm pháp luật ngoài nội dung thay đổi về tên gọi còn có các nội dung thay đổi khác liên quan đến cơ cấu tổ chức, mô hình,**

**chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn; quy trình, trình tự, thủ tục giải quyết công việc, thủ tục hành chính…**

**của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, chức danh có thẩm quyền sau khi sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước)**

*(Kèm theo Tờ trình số /TTr-BGDĐT ngày tháng năm 2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

**Tổng số: 15 văn bản, gồm:**

**- 13 Nghị định;**

**- 02 Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.**

| **STT** | **Tên VB**  **được**  **rà soát** | **Nội dung**  **quy định**  **được rà soát** | **UBND cấp tỉnh** | **UBND cấp cơ sở** | **Sở GDĐT** | **Ghi chú**  **(nếu có)** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| ***(1)*** | ***(2)*** | ***(3)*** | ***(4)*** | ***(5)*** | ***(6)*** | ***(7)*** |
| **I. NGHỊ ĐỊNH CỦA CHÍNH PHỦ** | | | | | | |
|  | Nghị định số 125/2024/NĐ-CP ngày 05/10/2024 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục (Điều 9) | Điều 4, 6, 7, 8, 9, 16, 18, 19, 20, 21, 26, 28, 29, 30, 31, 33, 34, 35, 36, 38, 39, 40, 41, 56, 57, 59, 61, 62, 85 | Quy định thẩm quyền Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) quyết định thành lập hoặc cho phép thành lập, cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục, sáp nhập, chia, tách, giải thể đối với trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông; thành lập, đình chỉ hoạt động, sáp nhập, chia, tách, giải thể trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập công lập; thành lập, sáp nhập, chia, tách, giải thể trường phổ thông dân tộc nội trú; thành lập hoặc cho phép thành lập, sáp nhập, chia, tách, giải thể trường trung học phổ thông chuyên; thành lập hoặc cho phép thành lập, sáp nhập, chia, tách, giải thể trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao đặt trên địa bàn tỉnh; thành lập hoặc cho phép thành lập, sáp nhập, chia, tách, giải thể trường dành cho người khuyết tật. | Sửa đổi chuyển thẩm quyền cấp xã thực hiện nhiệm vụ liên quan đến thành lập hoặc cho phép thành lập, cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục, sáp nhập, chia, tách, giải thể đối với trường mầm non, trường tiểu học, trường phổ thông dân tộc bán trú tiểu học; quyết định thành lập hoặc cho phép thành lập, đình chỉ hoạt động, sáp nhập, chia, tách, giải thể đối với trung tâm học tập cộng đồng; quyết định thành lập hoặc cho phép thành lập lớp dành cho người khuyết tật trong trường mầm non, trường tiểu học. | Quy định Chuyển thẩm quyền Giám đốc Sở GDĐT thực hiện nhiệm vụ liên quan đến thành lập hoặc cho phép thành lập, cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục, sáp nhập, chia, tách, giải thể đối với trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở, trường phổ thông dân tộc nội trú có cấp học cao nhất là trung học cơ sở; thành lập hoặc cho phép thành lập, đình chỉ hoạt động, sáp nhập, chia, tách, giải thể đối với trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên; quyết định thành lập hoặc cho phép thành lập lớp dành cho người khuyết tật trong trường trung học cơ sở và trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên thực hiện các chương trình xóa mù chữ và chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở. |  |
|  | Nghị định số 84/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục (Điều 10) | Điểm b, c khoản 2 Điều 7; Điểm c khoản 4 Điều 9 | -  - | Sửa đổi chuyển thẩm quyền tại Điểm c khoản 4 Điều 9: chuyển về xã xác nhận chính sách. | Sửa đổi chuyển thẩm quyền tại Điểm b, c khoản 2 Điều 7 cấp tỉnh (Sở GDĐT) để thực hiện chủ trương giảm đầu mối trung gian, nhất thể thống nhất trong chỉ đạo thực hiện; công tác chuyên môn được Sở GDĐT chỉ đạo xuyên suốt. |  |
|  | Nghị định số 15/2019/NĐ-CP ngày 01/02/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật giáo dục nghề nghiệp (Điều 11) | **Điều 7. Thẩm quyền và nội dung quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp của Ủy ban nhân dân cấp huyện**  Ủy ban nhân dân cấp huyện theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao thực hiện quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp theo thẩm quyền và chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về phát triển giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn huyện theo quy định tại Nghị định này. |  | Sửa đổi chuyển thẩm quyền và nội dung quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp của Ủy ban nhân dân cấp huyện quy định tại Điều 7 cho Ủy ban nhân dân cấp cơ sở thực hiện |  |  |
|  | Nghị định số 88/2022/NĐ-CP ngày 26/10/2022 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp (Điều 12) | Khoản 2 Điều 38:  2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi là cấp huyện) có quyền:  a) Phạt cảnh cáo;  b) Phạt tiền đến 75.000.000 đồng;  c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;  d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;  đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 4 Nghị định này. |  | Sửa đổi chuyển thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện quy định tại khoản 2 Điều 38 cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp cơ sở thực hiện |  |  |
|  | Nghị định số 20/2014/NĐ-CP ngày 24/3/2014 của Chính phủ về phổ cập giáo dục, xóa mù chữ (Điều 14) | Khoản 1, khoản 2 Điều 25; khoản 2 Điều 27; khoản 2, 3 Điều 28; khoản 3 Điều 37; Điều 38 |  | - Sửa đổi chuyển thẩm quyền của Ủy ban nhân dân huyện về thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp cơ sở.  - Thay cụm từ “huyện” bằng cụm từ “cơ sở”. |  |  |
|  | Nghị định số 57/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 của Chính phủ quy định chính sách ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người (Điều 16) | Điểm a khoản 5 Điều 8 | Sửa đổi bãi bỏ thẩm quyền của UBND cấp huyện |  |  |  |
|  | Nghị định số 127/2018/NĐ-CP ngày 21/9/2018 quy định trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục (Điều 19) | Điều 8, Điều 9, Điều 13 |  | Sửa đổi chuyển thẩm quyền của cấp huyện (UBND cấp huyện, Phòng GDĐT) quy định tại Điều 8, Điều 9, Điều 13 cho Ủy ban nhân dân cấp cơ sở thực hiện |  |  |
|  | Nghị định số 71/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ quy định lộ trình thực hiện nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở (Điều 21) | Điểm b khoản 2 Điều 8; khoản 5 Điều 15 | - | Sửa đổi thay cụm từ “huyện” bằng cụm từ cơ sở” tại khoản 5 Điều 15 | Sửa đổi chuyển thẩm quyền của cấp huyện tại điểm b khoản 2 Điều 8 về Sở Giáo dục và Đào tạo thực hiện |  |
|  | Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08/9/2020 của Chính phủ quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non (Điều 22) | Khoản 1 Điều 2; điểm b khoản 3 Điều 4; Điều 7, Điều 8; Điều 9, Điều 10; Điều 11 | Sửa đổi chuyển thẩm quyền cấp huyện tại khoản 1 Điều 2, Điều 7, Điều 8; Điều 9, Điều 10; Điều 11 về cấp tỉnh thực hiện |  | Sửa đổi chuyển thẩm quyền của Phòng Giáo dục và Đào tạo tại điểm b khoản 3 Điều 4 về Sở Giáo dục và Đào tạo thực hiện |  |
|  | Nghị định số 141/2020/NĐ-CP ngày 08/12/2020 của Chính phủ quy định chế độ cử tuyển đối với học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số (Điều 24) | Khoản 3 Điều 7; khoản 2 Điều 15 |  | Sửa đổi chuyển thẩm quyền tại khoản 3 Điều 7 về cấp cơ sở để thực hiện | Sửa đổi chuyển thẩm quyền khoản 2 Điều 15 về Sở Giáo dục và Đào tạo quyết định : bãi bỏ thẩm quyền của cấp huyện, giao Sở GDĐT quyết định |  |
|  | Nghị định số 04/2021/NĐ-CP ngày 22/01/2021 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục (Điều 25) | Khoản 2 Điều 36 |  | Sửa đổi chuyển thẩm quyền trách nhiệm của cấp huyện tại khoản 2 Điều 36 về cấp cơ sở thực hiện |  |  |
|  | Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 97/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ) (Điều 26) | Điểm b khoản 1 điều 19; Khoản 4 điều 23; điểm a khoản 3 điều 19; điểm a khoản 2 điều 21; điểm đ khoản 2 điều 21; khoản 2 điều 22; điểm a khoản 1, 2, 3 điều 23 |  | - Sửa đổi chuyển thẩm quyền cấp huyện tại điểm b khoản 1 Điều 19 cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp cơ sở và Ủy ban nhân dân cấp cơ sở thực hiện.  - Sửa đổi chuyển thẩm quyền của Phòng Giáo dục và Đào tạo tại điểm a khoản 3 Điều 19 cho Hiệu trưởng nhà trường thẩm định, phê duyệt. | Sửa đổi chuyển thẩm quyền cấp huyện tại điểm a khoản 2 Điều 21; điểm đ khoản 2 Điều 21; khoản 2 điều 22; điểm a khoản 1, 2, 3 Điều 23 từ Phòng Giáo dục và Đào tạo về Sở Giáo dục và Đào tạo thực hiện |  |
|  | Nghị định số 66/2025/ND-CP ngày 12/3/2025 của Chính phủ quy định chính sách cho trẻ em nhà trẻ, học sinh, học viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo và cơ sở giáo dục có trẻ em nhà trẻ, học sinh hưởng chính sách (Điều 30) | Điều 8; Điều 9; Điều 10; điểm a khoản 1 Điều 12 |  | Sửa đổi chuyển thẩm quyền tại Điều 8, Điều 9, Điều 10 và điểm a khoản 1 Điều 12 về cấp cơ sở thực hiện |  |  |
| **II. QUYẾT ĐỊNH** | | | | | | |
| 1 | Quyết định số 53/2015/QĐ-TTg ngày 20/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách nội trú đối với học sinh, sinh viên học cao đẳng, trung cấp (Điều 36) | Khoản 2 Điều 5 |  | Sửa đổi chuyển thẩm quyền của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện tại khoản 2 Điều 5 về cấp cơ sở thực hiện |  |  |
| 2 | Quyết định số 244/2005/QĐ-TTg ngày 06/10/2005 của Thủ tướng Chính phủ quy định chế độ phụ cấp ưu đãi đối với nhà giáo đang trực tiếp giảng dạy trong các cơ sở giáo dục công lập (Điều 32) | Điểm b khoản 1 Điều 2 | Sửa đổi bãi bỏ điểm b khoản 1 Điều 2 |  |  |  |